TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2019
Về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh.
2. Ông Trần Sĩ Trung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1994. *(Có mặt)*
Địa chỉ: Khu vực X2, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.
Bị đơn: Anh **Phạm Quang V**, sinh năm 1991. *(Có yêu cầu vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu vực X2, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2018, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Năm 2012, sau một thời gian tìm hiểu, chị và anh Phạm Quang V đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Phú, quận Cái Răng vào ngày 15/7/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng tháng 10 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cuộc sống, thường bất hòa về tình cảm và kinh tế, anh V không lo làm ăn, chị có khuyên can nhưng anh V không thay đổi. Chị đã cố hàn gắn tình cảm nhưng

không có kết quả, vợ chồng thường hay cãi nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Quốc D (nam, sinh ngày 09/10/2013) hiện anh V đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu anh V giao cháu D cho chị nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2019, bị đơn anh Phạm Quang V trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N tiến tới hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức hôn lễ năm 2012 nhưng đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân nhân dân phường Hưng Phú, quận Cái Răng. Quá trình chung sống, anh và chị N có 01 con chung tên Phạm Quốc D (nam, sinh ngày 09/10/2013). Vợ chồng chung sống hạnh phúc, không hề xảy ra mâu thuẫn gì. Năm 2014, chị N tự bỏ đi mà không nói đi đâu, làm gì, không liên lạc và cũng không về thăm con. Anh đã tự chăm sóc cháu D từ năm 2014 đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Quốc D (nam, sinh ngày 09/10/2013) hiện anh đang nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D đến trưởng thành, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn anh Phạm Quang V để tham gia tố tụng tại Tòa án. Do anh V có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, do đó, Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Phạm Quang V. Chị N đồng ý để anh V được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D đến trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

- Bị đơn anh Phạm Quang V có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Tòa án đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công có tiến hành các thủ tục luật định. Do bị đơn có yêu cầu vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Quang V tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, chị N khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Quang V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, anh V có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị N và anh V chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2013, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.Tại phiên tòa, chị N cho rằng vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ sau khi chị sinh con, anh V không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, chi phí sinh hoạt sau khi chị sinh con đều do cha mẹ chị hỗ trợ, đồng thời, do chị và anh V không hợp tính nhau nên hôn nhân không hạnh phúc. Chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả, anh V vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, chị và anh V đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Hiện chị đã không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh V nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về phía anh V, theo Biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2019, anh V cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng do chị N đã bỏ đi từ năm 2014 đến nay nên nay anh V không có yêu cầu đoàn tụ, anh đồng ý ly hôn với chị N. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N và anh V cùng xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Quốc D (nam, sinh ngày 09/10/2013) hiện anh V đang nuôi dưỡng. Anh V có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D đến trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng. Theo đơn khởi kiện, chị N cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D, tuy nhiên do hiện nay chị N đang đi làm ở xa không có điều kiện chăm sóc cháu D nên chị N đồng ý để anh V được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D đến trưởng thành, chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và sự thỏa thuận này không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Mặc dù chị N không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho chị N quyền được thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh V cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Quang V.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Quốc D (nam, sinh ngày 09/10/2013) cho anh V nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Anh V được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh V thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, chuyển số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 005691 ngày 22/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí (công nhận chị N đã nộp án phí xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P.Hưng Phú, Q.Cái Răng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế